

Kinh tế tư nhân tại Việt Nam nhìn từ góc độ chính sách

Bùi Hữu Toàn

Học viện Ngân hàng, Việt Nam

Ngày nhận: 16/05/2025

Ngày nhận bản sửa: 07/06/2025

Ngày duyệt đăng: 11/06/2025

Tóm tắt: Việt Nam trải qua hành trình đổi mới từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân đã từng bước được thừa nhận và ngày càng khẳng định vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Bài viết phân tích các giai đoạn phát triển chính sách đối với kinh tế tư nhân, đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của Nghị quyết số 68-NQ/TW trong việc xác lập vị thế mới cho kinh tế tư nhân. Đồng thời, bài viết cũng đánh giá thực trạng vai trò phát triển của kinh tế tư nhân hiện nay, bao gồm những thành tựu nổi bật về đóng góp vào GDP, tạo việc làm, cùng với những hạn chế và thách thức còn tồn tại. Trên cơ sở đó, một số giải pháp và hàm ý chính sách được đề xuất nhằm tiếp tục tháo gỡ rào cản, tạo môi trường thuận lợi để tăng cường tính ứng dụng thực tiễn của Nghị quyết 68, nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển bền vững, đóng góp hiệu quả vào mục tiêu thịnh vượng quốc gia.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, Việt Nam, Chính sách

Private sector economy in Vietnam: A policy perspective

Abstract: Through the renovation journey from a centrally planned economy to a socialist-oriented market economy, the private sector economy has been gradually recognized and increasingly affirmed its role as an important driving force of the economy in Vietnam. The paper analyzes the stages of policy development for the private sector economy, especially emphasizing the significance of Resolution No. 68-NQ/TW in establishing a new position for the private sector economy. Furthermore, the paper also assesses the current development status of the private sector economy, including outstanding achievements in terms of contribution to GDP, job creation, along with existing limitations and challenges. On that basis, a number of solutions and policy implications are proposed to continue removing barriers, and creating a favorable environment to enhance the practical application of Resolution 68, in order to promote sustainable development of the private economy, effectively contributing to the goal of national prosperity.

Keywords: Private sector economy, Vietnam, Policy

Doi: 10.59276/JELB.2025.06.2969

Bui, Huu Toan

Email: toanbh@hvn.edu.vn

Organization: Banking Academy of Vietnam

1. Giới thiệu

Hành trình chuyển mình của Việt Nam từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là câu chuyện về sự kiên định, đổi mới và khát vọng vươn lên của cả dân tộc. Trong đó, khu vực kinh tế tư nhân đã nổi lên như một biểu tượng sống động của tinh thần doanh nhân và sức mạnh nội sinh. Từ những ngày đầu Đổi Mới năm 1986, khi kinh tế tư nhân còn bị kìm hãm bởi định kiến, tư duy bao cấp và những rào cản thể chế khắc nghiệt, hàng triệu doanh nhân Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn để khẳng định vai trò không thể thay thế. Với đóng góp hơn 50% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tạo việc làm cho hơn 80% lực lượng lao động và chiếm hơn 30% tổng thu ngân sách, kinh tế tư nhân không chỉ là một thành phần kinh tế mà đã trở thành động lực chính của sự phát triển đất nước. Sự ra đời của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, với tuyên ngôn xác lập kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong tư duy chính sách. Văn kiện này không chỉ là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực bền bỉ của cộng đồng doanh nghiệp tư nhân, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược và quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước, mở ra một không gian phát triển mới để kinh tế tư nhân bứt phá, dẫn dắt Việt Nam tiến tới mục tiêu trở thành một quốc gia hùng cường, thịnh vượng, sánh vai cùng các cường quốc trên trường quốc tế. Dựa trên tổng quan tài liệu giai đoạn trước và sau Đổi Mới, mục tiêu bài viết nhằm phân tích các giai đoạn phát triển chính sách, đánh giá thực trạng và những đóng góp của kinh tế tư nhân, đặc biệt là vai trò của Nghị quyết 68-NQ/TW, từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự phát triển bền

vững của khu vực này. Ngoài phần Giới thiệu và Kết luận, bài viết được kết cấu thành 04 phần chính, bao gồm: Tổng quan về kinh tế tư nhân; Nghị quyết 68: Chính sách xác lập vị thế mới cho kinh tế tư nhân tại Việt Nam; và Giải pháp thúc đẩy kinh tế tư nhân Việt Nam hướng tới phát triển bền vững.

2. Tổng quan về kinh tế tư nhân

2.1. Khái niệm và vai trò của kinh tế tư nhân

Theo World Bank (2003), kinh tế tư nhân được hiểu là các thực thể kinh tế do tư nhân sở hữu, bao gồm các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, cũng như các hộ gia đình tham gia sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ. Khu vực này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế. Theo OECD (2008), kinh tế tư nhân bao gồm tất cả các hoạt động kinh tế do các cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức phi chính phủ sở hữu và vận hành, không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp của nhà nước. Đây là khu vực tạo ra lợi nhuận thông qua các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đầu tư, hoạt động dựa trên cơ chế thị trường. Phạm Thị Thanh Bình (2018) định nghĩa: “Kinh tế tư nhân, hiểu cách khái quát chung, là khu vực kinh tế nằm ngoài quốc doanh (ngoài khu vực kinh tế nhà nước), bao gồm các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó tư nhân nắm trên 50% vốn đầu tư. Kinh tế tư nhân tồn tại dưới các hình thức như: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và các hộ kinh doanh cá thể”. Nhìn chung, kinh tế tư nhân có thể được định nghĩa là khu vực của nền kinh tế bao gồm các hoạt động sản xuất, kinh doanh, và cung cấp dịch vụ do các cá nhân, doanh nghiệp, hoặc tổ chức phi chính

phủ sở hữu và vận hành, không thuộc sự kiểm soát hoặc sở hữu trực tiếp của nhà nước. Khu vực này hoạt động dựa trên cơ chế thị trường, hướng đến mục tiêu lợi nhuận hoặc lợi ích riêng, và đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, và khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt trong việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững (Phạm Thị Thanh Bình, 2018), cụ thể như sau:

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Kinh tế tư nhân là động lực chính tạo ra giá trị gia tăng thông qua sản xuất hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Các doanh nghiệp tư nhân, từ nhỏ đến lớn, đóng góp vào GDP thông qua hoạt động kinh doanh và đầu tư, giúp nền kinh tế mở rộng quy mô.

- Tạo việc làm: Khu vực tư nhân là nguồn cung cấp việc làm lớn nhất trong hầu hết các nền kinh tế, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Các doanh nghiệp tư nhân tạo ra cơ hội việc làm cho lực lượng lao động, từ đó cải thiện thu nhập và mức sống của người dân.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo: Cạnh tranh trong khu vực tư nhân thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển công nghệ và cải tiến sản phẩm/dịch vụ. Điều này dẫn đến sự đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

- Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ: Kinh tế tư nhân đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường thông qua việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phong phú, từ hàng tiêu dùng đến công nghệ cao. Điều này giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

- Đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước: Kinh tế tư nhân đóng góp vào ngân

sách thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, và các loại thuế khác. Nguồn thu này giúp chính phủ đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế và các dịch vụ công khác.

- Giảm gánh nặng cho khu vực công: Kinh tế tư nhân chia sẻ trách nhiệm cung cấp hàng hóa và dịch vụ với khu vực công, giảm áp lực lên ngân sách nhà nước. Ví dụ, các dự án nhà ở xã hội hoặc dịch vụ y tế, giáo dục tư nhân giúp bổ sung nguồn cung mà không phụ thuộc hoàn toàn vào nhà nước.

2.2. Bối cảnh lịch sử và các giai đoạn xây dựng chính sách đối với kinh tế tư nhân Việt Nam

Để hiểu rõ sự trỗi dậy và vai trò ngày càng tăng của kinh tế tư nhân Việt Nam, không thể không nhìn lại hành trình đầy biến động của các chủ trương, chính sách mà Đảng và Nhà nước đã ban hành và thực thi qua các giai đoạn lịch sử. Mỗi giai đoạn mang những đặc điểm riêng, phản ánh sự thay đổi trong nhận thức, tư duy kinh tế và bối cảnh cụ thể của đất nước, từ đó tạo nên những bước ngoặt quan trọng cho sự hình thành và phát triển của khu vực kinh tế năng động này.

2.2.1. Giai đoạn trước Đổi Mới (Trước 1986): Thời kỳ của cơ chế kế hoạch hóa tập trung

Trong những năm trước Đổi Mới, Việt Nam thực hiện mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung dựa trên kinh tế nhà nước và tập thể. Thời điểm đó, chúng ta chưa thực sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, và muốn “nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh”. Cho nên, kinh tế tư nhân, nếu tồn tại, chỉ là những hoạt động nhỏ lẻ, manh mún, bị kìm hãm bởi tư duy bao cấp và sự kiểm soát ngặt nghèo.

Mọi nguồn lực, từ sản xuất đến phân phối, đều nằm dưới sự chỉ đạo của Nhà nước, dẫn đến sự trì trệ kinh tế và đời sống nhân dân rơi vào khủng hoảng. Khu vực tư nhân bị xem là đối lập với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, bị hạn chế tối đa, khiến tiềm năng sáng tạo và tinh thần kinh doanh bị kìm nén. Tuy nhiên, chính những khó khăn ấy đã đặt nền móng cho một cuộc cách mạng tư duy, mở đường cho Đổi Mới. Khát vọng thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu đã âm thầm nhen nhóm, chờ đợi một cơ hội để bùng nổ, khi Đảng nhận ra rằng chỉ có sự đổi mới toàn diện mới có thể hồi sinh nền kinh tế và khơi dậy sức mạnh dân tộc.

2.2.2. Giai đoạn Đổi Mới và những bước đi đầu tiên (1986- 1999): Những bước đi ban đầu

Đại hội Đảng VI năm 1986 là ngọn lửa thắp sáng con đường Đổi Mới, đánh dấu bước ngoặt lịch sử khi Đảng quyết định từ bỏ mô hình kế hoạch hóa tập trung, chuyển sang phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần. Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 15/7/1988, của Bộ Chính trị khóa VI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa VI tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới, nhất quán thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, khẳng định kinh tế tư nhân được phát triển trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh. Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 5/4/1988, của Bộ Chính trị khóa VI, xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, từ đó đổi mới cơ bản cách thức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, tạo động lực cho kinh tế tư nhân trong nông nghiệp hồi phục và phát triển năng động, bước đầu chuyển sang sản xuất hàng hóa. Đó là bước khởi đầu quan trọng đối với kinh tế tư nhân nước ta, mở đường cho những bước đột phá mạnh hơn sau này (Nguyễn Hồng Sơn và Phạm Thị Hồng Diệp, 2017). Kinh tế tư nhân, từ chỗ bị kìm nén, bắt đầu

được thừa nhận và từng bước hợp thức hóa qua các văn bản pháp luật tiên phong như Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990. Những chính sách này, dù còn dè dặt, đã phá vỡ thế độc tôn của kinh tế nhà nước, mở ra cánh cửa tự do kinh doanh cho hàng triệu người dân. Các hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác sản xuất nở rộ, mang lại sinh khí mới cho thị trường, giải quyết việc làm và làm phong phú nguồn hàng hóa.

Tuy nhiên, giai đoạn này vẫn đầy thách thức: môi trường pháp lý chưa thông thoáng, tư duy phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế còn nặng nề, và doanh nghiệp tư nhân phải đối mặt với khó khăn trong tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ. Dầu vậy, những bước đi tiên phong ấy có ý nghĩa như ánh bình minh, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đặt nền móng cho sự trỗi dậy mạnh mẽ của kinh tế tư nhân trong các thập niên tiếp theo, đồng thời khẳng định tầm nhìn chiến lược của Đảng trong việc khai phóng tiềm năng kinh tế đất nước.

2.2.3. Giai đoạn tăng tốc và hội nhập (2000- 2016): Sân chơi bình đẳng hơn

Bước sang thế kỷ 21, kinh tế tư nhân Việt Nam bước vào giai đoạn tăng tốc nhờ những cải cách thể chế mang tính cách mạng. Trong đó, cụ thể hóa quan điểm của Đại hội IX, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (năm 2002) thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”. Đây là lần đầu tiên kể từ khi đổi mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương có một nghị quyết chuyên đề về kinh tế tư nhân. Nghị quyết tiếp tục khẳng định: “Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Luật Doanh nghiệp 1999, tiếp nối bởi các phiên bản 2005 và 2014, đã đơn giản hóa thủ tục, mở rộng quyền tự do kinh doanh và tạo sân chơi bình đẳng hơn cho mọi thành phần kinh tế. Việc Việt Nam gia nhập WTO năm 2007 là cột mốc lịch sử, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường toàn cầu, nhưng cũng đặt doanh nghiệp tư nhân trước sức ép cạnh tranh khốc liệt. Nhà nước liên tục ban hành các chính sách hỗ trợ, từ cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường tiếp cận tín dụng đến phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực. Kết quả là sự ra đời và lớn mạnh của những tên tuổi tư nhân như Vingroup, Masan... không chỉ thống lĩnh thị trường nội địa mà còn ghi dấu ấn quốc tế. Kinh tế tư nhân đóng góp ngày càng lớn vào GDP, xuất khẩu và việc làm, khẳng định vai trò trụ cột của nền kinh tế. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng bộc lộ những hạn chế: phần lớn doanh nghiệp tư nhân còn nhỏ lẻ, năng lực cạnh tranh yếu, và tư duy bao cấp vẫn len lỏi trong một số chính sách. Đầu vậy, đây là thời kỳ rục rỡ, khi kinh tế tư nhân bắt đầu vươn vai, trở thành biểu tượng của sự năng động và khát vọng hội nhập, đặt nền tảng cho những bước tiến vượt bậc trong tương lai.

2.2.4. Giai đoạn khẳng định vai trò động lực (2017- Nay): Hướng tới vị thế dẫn đầu
 Từ năm 2017 với Nghị quyết 10-NQ/TW, Đảng đã khẳng định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng” của nền kinh tế, mở ra giai đoạn phát triển mới với những chính sách đột phá. Nghị quyết 68-NQ/TW năm 2025 nâng tầm vị thế, xác định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất”, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong việc xóa bỏ định kiến, tạo môi trường minh bạch và bình đẳng. Các chính sách cụ thể hóa như cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và tiếp cận nguồn lực đã giúp khu vực tư nhân tiếp tục bứt phá, đóng

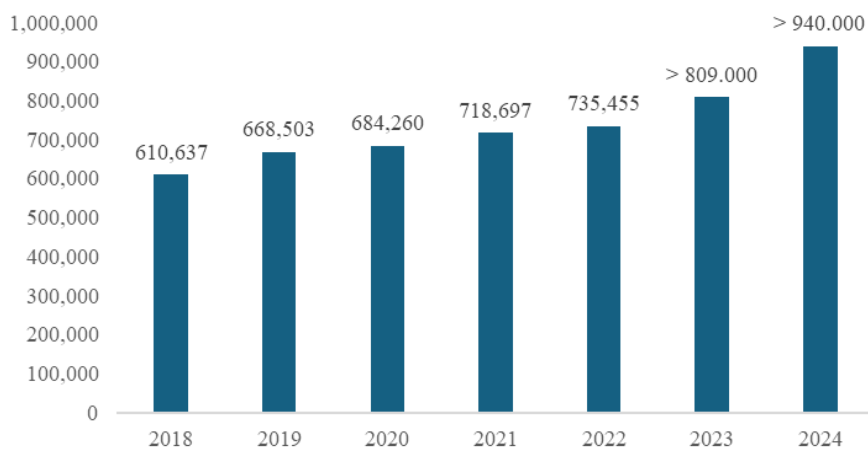
góp hơn 50% GDP và tạo việc làm cho hàng chục triệu lao động. Những tập đoàn lớn như Hòa Phát, Thaco, FPT... tiếp tục là những doanh nghiệp tư nhân dẫn đầu trên thị trường, trong khi làn sóng khởi nghiệp sáng tạo lan tỏa mạnh mẽ.

Tuy nhiên, thách thức vẫn hiện hữu: Quy mô doanh nghiệp nhỏ, năng lực công nghệ hạn chế, và tác động từ địa chính trị toàn cầu. Nghị quyết 68, với mục tiêu đạt 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030 và đóng góp 55-58% GDP, không chỉ là kim chỉ nam mà còn là lời hiệu triệu để kinh tế tư nhân vươn lên vị thế dẫn đầu, trở thành lực lượng tiên phong trong công cuộc xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, sánh vai cùng các cường quốc.

3. Nghị quyết 68: Chính sách xác lập vị thế mới cho kinh tế tư nhân tại Việt Nam

3.1. Thực trạng vai trò phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam

Gần bốn thập kỷ kể từ Đổi Mới, kinh tế tư nhân Việt Nam đã vươn mình mạnh mẽ, trở thành trụ cột không thể thiếu của nền kinh tế quốc dân. Số lượng doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động tại Việt Nam tăng đáng kể qua từng năm. Đến năm 2024, con số này đã đạt đến hơn 940.000 doanh nghiệp, cùng với 5,2 triệu hộ kinh doanh cá thể, khu vực này đóng góp khoảng 50-51% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách và tạo việc làm cho 82-85% lực lượng lao động, khẳng định vai trò đầu tàu trong tăng trưởng và ổn định xã hội. Sự gia tăng không ngừng về số lượng và quy mô doanh nghiệp phản ánh tinh thần khởi nghiệp lan tỏa, từ những hộ kinh doanh nhỏ lẻ đến các tập đoàn tư nhân tầm cỡ như Vingroup, Hòa Phát, FPT hay Vietjet Air, không chỉ thống lĩnh thị trường nội địa mà còn ghi dấu ấn trên trường quốc tế. Kinh tế tư nhân đã tham gia sâu rộng



Nguồn: Tác giả tổng hợp

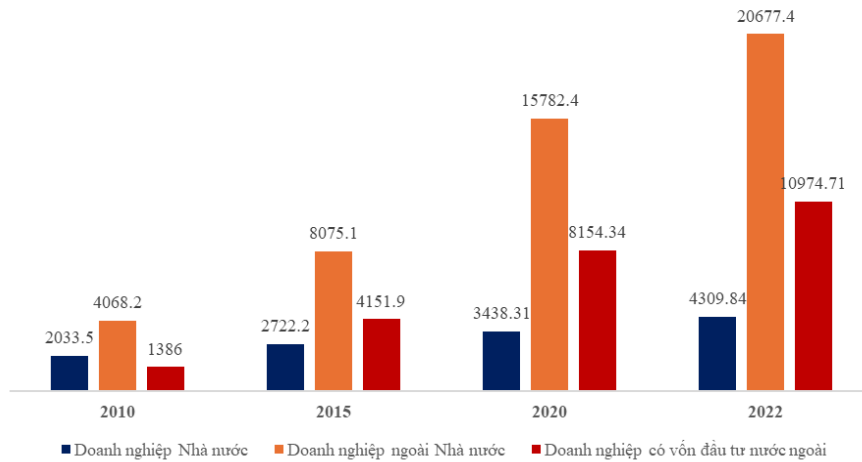
Hình 1. Số lượng doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động tại Việt Nam giai đoạn 2018-2024

vào mọi lĩnh vực, từ công nghiệp, nông nghiệp đến công nghệ thông tin, dịch vụ và du lịch, làm phong phú thị trường và thúc đẩy cạnh tranh. Đáng chú ý, khu vực này đóng vai trò tiên phong trong hội nhập kinh tế, với các hoạt động xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên bản đồ kinh tế toàn cầu (Nguyễn Trường An, 2024). Sự lớn mạnh của các tập đoàn tư nhân, với năng lực quản trị hiện đại và thương hiệu uy tín, đã tạo hiệu ứng lan tỏa, truyền cảm hứng cho cộng đồng doanh nghiệp và khẳng định sức sống mãnh liệt của kinh tế tư nhân. Những thành tựu này là minh chứng cho tầm nhìn chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đồng thời là nền tảng để kinh tế tư nhân tiếp tục bứt phá, thực hiện khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao.

Trong những năm vừa qua, kinh tế tư nhân đã thể hiện vai trò quan trọng của mình qua các đóng góp vào lĩnh vực kinh tế và an sinh xã hội, tạo công ăn việc làm cho nền kinh tế, góp phần tạo dựng thương hiệu quốc gia.... Báo cáo “Kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên mới” của Học viện Ngân hàng (2025) cho thấy trong giai đoạn 2010-

2022, doanh nghiệp tư nhân liên tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tại Việt Nam và có tốc độ tăng trưởng ấn tượng, tăng hơn 5 lần trong vòng 12 năm, từ năm 2010 đến năm 2022 (Hình 2). Đặc biệt, giai đoạn 2015- 2020 ghi nhận bước nhảy vọt từ 8 triệu tỷ đồng lên xấp xỉ 16 triệu tỷ đồng, phản ánh sự bùng nổ của khu vực tư nhân trong bối cảnh cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế.

Quy mô tổng tài sản của các doanh nghiệp tư nhân năm 2022 đạt 10,1 triệu tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với tổng tài sản của doanh nghiệp Nhà nước. Trung bình trong giai đoạn 2010 đến nay, giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp tư nhân luôn xếp ở vị trí cao hơn so với khu vực Nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài (Hình 3). Cũng theo Học viện Ngân hàng (2025), so với hai khu vực kinh tế còn lại, khu vực kinh tế tư nhân có đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng GDP của nền kinh tế, đồng thời mức đóng góp này luôn có xu hướng tăng theo thời gian (Hình 4). Trong giai đoạn 2016- 2023, kinh tế tư nhân tăng trưởng 6-8%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, đóng



Nguồn: Học viện Ngân hàng (2025)

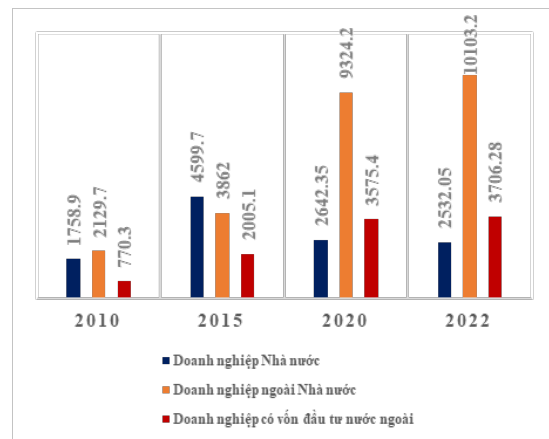
Hình 2. Doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh (nghìn tỷ đồng)

góp bình quân khoảng gần 46% GDP. Theo số liệu của Cục Thống kê, đến năm 2025, với gần một triệu doanh nghiệp, 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, khu vực kinh tế tư nhân đã đóng góp 51% GDP.

Khu vực tư nhân cũng đóng góp đáng kể vào tổng vốn đầu tư của nền kinh tế. Tổng vốn đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã tăng hơn 4 lần, từ 466 nghìn tỷ năm 2010 lên gần 1,9 triệu tỷ đồng năm 2023, nâng tỷ trọng tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế từ 44,6% lên 56,1% (Hình 5). Nếu tính cả nguồn vốn từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực tư nhân đóng góp 72,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội vào năm 2023. Sự tăng trưởng và mở rộng của khu vực tư nhân đã đóng góp to lớn vào những thành tựu kinh tế của Việt Nam trong những thập niên vừa qua. Việc cải thiện môi trường đầu tư, giảm bớt rào cản kinh doanh và hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn sẽ tiếp tục là yếu tố then chốt thúc đẩy khu vực này phát triển mạnh mẽ hơn.

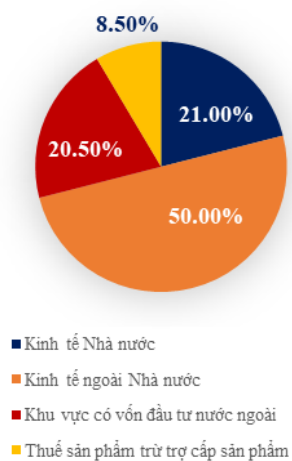
Ngoài ra, khu vực tư nhân hiện đóng góp khoảng 30% tổng thu ngân sách Nhà nước (tính đến 2025). Nếu như trước đây, doanh

nh nghiệp nhà nước chiếm ưu thế tuyệt đối, thì đến nay tỷ trọng đóng góp của khu vực tư nhân đã ngang ngửa doanh nghiệp Nhà nước (khoảng 30%), trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đạt 15-20%, dù có kim ngạch xuất khẩu lớn. Hiện nay, khu vực kinh tế tư nhân đang tạo ra hơn 82% tổng số việc làm, tương đương 40-45 triệu lao động, vượt xa khu vực nhà nước (4,2



Nguồn: Học viện Ngân hàng (2025)

Hình 3. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp phân theo loại hình doanh nghiệp (nghìn tỷ đồng)



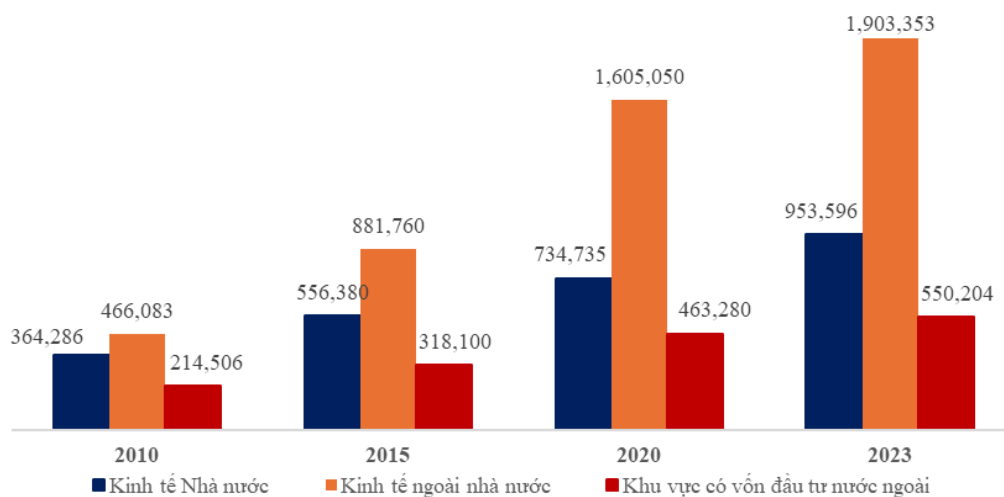
Nguồn: Học viện Ngân hàng (2025)

Hình 4: Cơ cấu GDP theo loại hình kinh tế

triệu việc làm, tương đương 8%) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,7 triệu việc làm, tương đương 9,05%), tiếp tục đóng vai trò là trụ cột chính đảm bảo sinh kế và thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội (Hình 6).

Bên cạnh những thành tựu ấn tượng, kinh tế tư nhân Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều hạn chế, kìm hãm tiềm năng phát triển. Phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ và

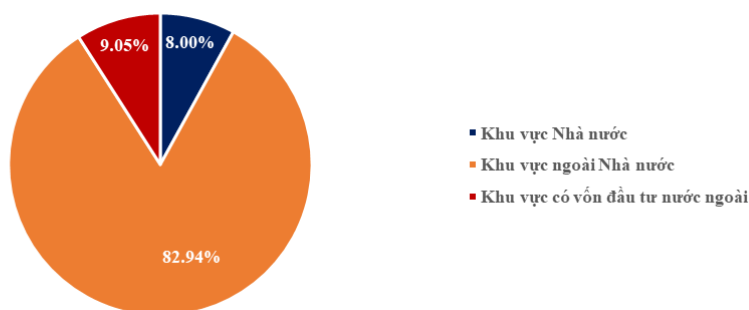
siêu nhỏ, thiếu vốn, công nghệ lạc hậu và năng lực quản trị yếu, khiến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, khó cạnh tranh với doanh nghiệp FDI hay các tập đoàn quốc tế. Việc tiếp cận các nguồn lực quan trọng như vốn tín dụng, đất đai, công nghệ tiên tiến và nhân lực chất lượng cao vẫn là bài toán nan giải, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tính liên kết ngành và chuỗi giá trị còn lỏng lẻo, với sự hợp tác yếu giữa các doanh nghiệp tư nhân và giữa tư nhân với các thành phần kinh tế khác, làm giảm giá trị gia tăng và sức cạnh tranh chung. Chuyển đổi số và đầu tư vào nghiên cứu phát triển (R&D) diễn ra chậm, khiến nhiều doanh nghiệp chưa bắt kịp xu hướng kinh tế xanh hay Cách mạng công nghiệp 4.0. Một số doanh nghiệp còn thiếu minh bạch, vi phạm pháp luật về thuế, lao động hay môi trường, ảnh hưởng đến uy tín chung của khu vực tư nhân. Tác động từ các cú sốc bên ngoài, như đại dịch COVID-19 hay biến động kinh tế toàn cầu, đã bộc lộ rõ điểm yếu về sức chống chịu và khả năng thích ứng của nhiều doanh nghiệp. Những hạn chế này không chỉ là



Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn: Học viện Ngân hàng (2025)

Hình 5. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế



Nguồn: Học viện Ngân hàng (2025)

Hình 6. Tỷ trọng việc làm theo khu vực kinh tế năm 2023

rào cản nội tại mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về cải cách thể chế và nâng cao năng lực tự thân, nếu kinh tế tư nhân muốn thực sự trở thành “động lực quan trọng nhất” như Nghị quyết 68-NQ/TW kỳ vọng (Hà Thị Yên, 2024).

Những hạn chế của kinh tế tư nhân bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, đòi hỏi sự phân tích toàn diện để tìm giải pháp. Về khách quan, hệ thống pháp luật và thể chế, dù đã cải thiện, vẫn còn chông chéo, thiếu nhất quán, với các thủ tục hành chính rườm rà và chi phí không chính thức gây gánh nặng cho doanh nghiệp. Cơ chế “xin- cho” và sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, như tín dụng ưu đãi hay đất đai, khiến doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, bị thiệt thòi so với doanh nghiệp nhà nước hay FDI. Hạ tầng giao thông, logistics và công nghệ thông tin chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển nhanh chóng của khu vực tư nhân. Về chủ quan, nhiều doanh nghiệp tư nhân thiếu chiến lược dài hạn, tư duy kinh doanh ngắn hạn và ngại đầu tư vào đổi mới công nghệ hay R&D. Năng lực quản trị yếu, cùng với tâm lý làm ăn riêng lẻ, thiếu liên kết, khiến doanh nghiệp khó tạo sức mạnh tập thể để cạnh tranh. Ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội của một số

doanh nghiệp chưa cao, làm tổn hại uy tín chung. Những nguyên nhân này, kết hợp với bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng khốc liệt, đòi hỏi sự đồng bộ giữa cải cách chính sách từ Nhà nước và nỗ lực tự đổi mới của doanh nghiệp (Hà Thị Yên, 2024). Chỉ khi tháo gỡ được các điểm nghẽn này, kinh tế tư nhân mới có thể phát huy tối đa tiềm năng, trở thành lực lượng tiên phong đưa Việt Nam tiến gần hơn đến khát vọng hùng cường, thịnh vượng.

3.2. Những quan điểm, chính sách đột phá về kinh tế tư nhân của Nghị quyết 68

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị là ngọn cờ đầu, đánh dấu bước ngoặt chiến lược trong việc định vị kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế Việt Nam. Ra đời trong bối cảnh đất nước đối mặt với những biến động địa chính trị toàn cầu và yêu cầu cấp thiết của Cách mạng công nghiệp 4.0, Nghị quyết không chỉ kế thừa tinh thần của Nghị quyết 10-NQ/TW mà còn mang tầm nhìn đột phá, đáp ứng khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Với sự cam kết mạnh mẽ về xóa bỏ định kiến, bảo đảm bình đẳng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, Nghị quyết

68 là kim chỉ nam, khơi dậy niềm tin và tinh thần doanh nhân, tạo xung lực để kinh tế tư nhân bứt phá. Đây không chỉ là một văn kiện chính trị mà còn là lời hiệu triệu, kêu gọi toàn hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp chung tay giải phóng tiềm năng, biến kinh tế tư nhân thành đầu tàu dẫn dắt sự thịnh vượng quốc gia trong thời đại mới.

Nghị quyết 68 mang dấu ấn của sự đổi mới tư duy, khẳng định kinh tế tư nhân là lực lượng tiên phong trong tăng trưởng, đổi mới và hội nhập quốc tế. Điểm nhấn là cam kết xóa bỏ mọi định kiến, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác. Doanh nhân được tôn vinh như “người chiến sĩ trên mặt trận kinh tế”, với trọng trách thượng tôn pháp luật và cống hiến cho cộng đồng. Nghị quyết đề cao xây dựng môi trường kinh doanh chuẩn quốc tế, minh bạch, chi phí thấp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ và nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, việc phân định rõ trách nhiệm pháp lý, ưu tiên biện pháp dân sự thay vì hình sự trong xử lý vi phạm, thể hiện sự thấu hiểu và bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp. Những quan điểm này không chỉ giải phóng kinh tế tư nhân khỏi các rào cản thể chế mà còn khơi dậy niềm tin, khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới, từ kinh tế xanh đến chuyển đổi số, góp phần định hình một nền kinh tế hiện đại, bền vững.

Nghị quyết 68 còn đặt ra những mục tiêu đầy tham vọng: Đến năm 2030, Việt Nam sẽ phấn đấu có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày đêm. Có ít nhất 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 10- 12%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế; đóng góp khoảng 55- 58% GDP, khoảng 35- 40%

tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng 84- 85% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5- 9,5%/năm. Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN và nhóm 5 nước đứng đầu khu vực châu Á. Tầm nhìn đến năm 2045, kinh tế tư nhân Việt Nam phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế; phấn đấu đến năm 2045 có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế; đóng góp khoảng trên 60% GDP. Để hiện thực hóa, Nghị quyết đề xuất tám nhóm giải pháp toàn diện, từ thống nhất nhận thức, hoàn thiện thể chế đến hỗ trợ đổi mới sáng tạo và phát triển đội ngũ doanh nhân “có tâm, có tầm”. Các giải pháp cụ thể như ưu tiên tín dụng xanh, minh bạch hóa quy hoạch đất đai, tăng cường hậu kiểm thay vì tiền kiểm, và chống tiêu cực, những nhiễu, cho thấy quyết tâm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng. Đặc biệt, việc khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu phát triển (R&D) và chuyển đổi số giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, bắt kịp xu hướng kinh tế tuần hoàn. Những giải pháp này không chỉ tháo gỡ điểm nghẽn hiện tại mà còn định hướng kinh tế tư nhân trở thành lực lượng chủ đạo, đủ sức dẫn dắt Việt Nam vươn xa trên bản đồ kinh tế thế giới.

Nghị quyết 68 còn được kỳ vọng sẽ tạo ra những chuyển biến sâu rộng, mở ra thời đại mới cho kinh tế tư nhân. Việc bảo vệ quyền tài sản, xóa bỏ rào cản và tạo điều kiện tiếp cận nguồn lực sẽ củng cố niềm tin, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp và khuyến khích đầu tư dài hạn. Các chính sách hỗ trợ công nghệ, nhân lực và chuyển đổi số sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp doanh nghiệp tư nhân không chỉ thống lĩnh thị trường nội địa mà còn tham gia sâu vào chuỗi giá trị

toàn cầu. Đặc biệt, mục tiêu hình thành các tập đoàn tư nhân lớn sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy liên kết ngành và nâng tầm vị thế kinh tế Việt Nam.

3.3. Những thách thức trong triển khai Nghị quyết 68

Nghị quyết số 68-NQ/TW được đánh giá là một “cú hích chiến lược” và “bước ngoặt” trong tư duy và chính sách của Đảng, Nhà nước, khẳng định mạnh mẽ vai trò của kinh tế tư nhân là “động lực quan trọng” của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc triển khai Nghị quyết này mang trong mình những cơ hội lớn lao nhưng cũng đi kèm không ít thách thức cần vượt qua.

Thứ nhất, hiện thực hóa chủ trương và tính nhất quán trong thực thi. Thách thức lớn nhất là việc cụ thể hóa và đưa các chủ trương, chính sách của Nghị quyết vào cuộc sống một cách đồng bộ, quyết liệt từ trung ương đến địa phương. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị là yếu tố then chốt.

Thứ hai, những rào cản cố hữu cần tháo gỡ. Kinh tế tư nhân vẫn đối mặt với nhiều rào cản, chưa có những đột phá tương xứng về quy mô và năng lực cạnh tranh. Việc thay đổi tư duy “xin- cho”, loại bỏ các thủ tục hành chính rườm rà, và đảm bảo tính minh bạch, ổn định của chính sách là yêu cầu cấp thiết.

Thứ ba, năng lực nội tại và cơ cấu của khu vực tư nhân. Phần lớn doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn yếu về năng lực cạnh tranh, khả năng liên kết và tiếp cận nguồn lực. Cơ cấu doanh nghiệp còn mất cân đối, thiếu vắng các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn, có tầm cỡ quốc tế. Một bộ phận không nhỏ vẫn hoạt động trong khu vực “kinh tế phi chính thức”.

Thứ tư, thách thức trong việc đạt được các

mục tiêu đầy tham vọng. Việc đạt mục tiêu 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030 là một thách thức lớn, đặt ra yêu cầu về một môi trường kinh doanh thực sự thuận lợi, giảm thiểu rủi ro và chi phí cho doanh nghiệp mới gia nhập thị trường cũng như các doanh nghiệp đang hoạt động. Điều này đòi hỏi những thay đổi đồng bộ và quyết liệt trong cả tư duy và hành động trên toàn hệ thống, từ trung ương, địa phương đến các doanh nghiệp.

Thứ năm, thách thức trong hỗ trợ chuyển đổi xanh và số một cách thực chất. Mặc dù có chủ trương, việc triển khai các chương trình hỗ trợ R&D, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp, nhất là SMEs, còn hạn chế về nhận thức tầm quan trọng của chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, hoặc thiếu kiến thức, kỹ năng để triển khai. Chuyển đổi xanh và số thường đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu lớn, đồng thời phải gắn liền với việc đáp ứng các tiêu chuẩn mới của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

Thứ sáu, thách thức lớn nhất nằm ở khâu tổ chức thực hiện. Điều này đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự thay đổi thực chất trong tư duy và hành động của các cấp, các ngành, và đặc biệt là sự nỗ lực tự thân, chủ động của chính cộng đồng doanh nghiệp tư nhân. Việc cụ thể hóa các chủ trương của Nghị quyết thành luật định, chính sách cụ thể, dễ tiếp cận và có tính thực thi cao là yếu tố then chốt. Việc xây dựng một khung khổ pháp lý ổn định, minh bạch, bảo vệ quyền sở hữu, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, đầu tư vào giáo dục và R&D, cùng với một tầm nhìn chiến lược dài hạn là những yếu tố cốt yếu để kinh tế tư nhân có thể đóng góp tối đa vào sự thịnh vượng quốc gia.

4. Giải pháp thúc đẩy kinh tế tư nhân Việt Nam hướng tới phát triển bền vững

Để kinh tế tư nhân Việt Nam thực sự trở thành động lực then chốt của nền kinh tế và đóng góp hiệu quả vào mục tiêu phát triển quốc gia, việc triển khai đồng bộ các giải pháp đột phá từ Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức liên quan là yêu cầu cấp thiết:

Từ phía Nhà nước, cần tiếp tục vai trò kiến tạo, tập trung vào việc xây dựng một môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, và tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Trước hết, cần rà soát, loại bỏ các quy định pháp luật chồng chéo, bất cập, đồng thời cụ thể hóa Nghị quyết 68-NQ/TW thành các văn bản quy phạm để tiếp cận và có tính thực thi cao. Cải cách thủ tục hành chính phải được đẩy mạnh, lấy việc xây dựng Chính phủ số làm trọng tâm, ứng dụng công nghệ để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và loại bỏ cơ hội cho tiêu cực, nhũng nhiễu. Chính sách tín dụng cần ưu đãi các lĩnh vực xanh, công nghệ cao, và khởi nghiệp sáng tạo, song song với việc phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán để doanh nghiệp có thể huy động vốn dài hạn. Nhà nước cũng cần tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), hạ tầng công nghệ, và giáo dục nghề nghiệp, tạo nền tảng cho doanh nghiệp bắt kịp xu thế của Cách mạng công nghiệp 4.0.

Từ phía doanh nghiệp tư nhân, cần chủ động áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, minh bạch và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đầu tư vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xem là yếu tố sống còn, giúp cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Văn hóa kinh doanh lành mạnh, thượng tôn pháp luật và đề cao trách nhiệm xã hội (CSR) phải trở thành kim chỉ nam. Điều này bao gồm việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế, lao động, và bảo

vệ môi trường. Đầu tư vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng và ý thức kỷ luật cho người lao động, là yếu tố then chốt để xây dựng đội ngũ chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đồng thời, việc chủ động nghiên cứu thị trường quốc tế, tận dụng hiệu quả các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) để xây dựng chiến lược xuất khẩu và marketing phù hợp là cần thiết.

Từ phía các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức này đóng vai trò cầu nối không thể thiếu, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của kinh tế tư nhân. Trước hết, các hiệp hội cần phát huy mạnh mẽ vai trò đại diện, truyền tải chính xác nguyện vọng của doanh nghiệp đến các cơ quan quản lý nhà nước. Quan trọng hơn, họ cần chủ động tham gia vào quá trình xây dựng và phản biện chính sách để đảm bảo các quy định khi ban hành thực sự đi vào cuộc sống và hỗ trợ hiệu quả cho cộng đồng doanh nghiệp. Việc tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo chuyên đề, và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ, và phát triển thị trường sẽ giúp nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs). Hiệp hội cần đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý, hỗ trợ xúc tiến thương mại, và kết nối kinh doanh, tạo điều kiện để doanh nghiệp mở rộng mạng lưới hợp tác và có cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

5. Kết luận

Bài viết đã cho thấy phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam là minh chứng cho sự năng động và khát vọng vươn lên, song hành cùng những đổi mới chính sách mang tính bước ngoặt. Khu vực này ngày càng khẳng định vai trò thiết yếu và hiện nay được xác định là “động lực quan trọng nhất” của nền

kinh tế. Đồng thời, bài viết cũng đã khái quát về các chính sách như Luật Doanh nghiệp và các Nghị quyết chuyên biệt, đặc biệt là Nghị quyết 68-NQ/TW gần đây, đã tạo dựng hành lang pháp lý ngày càng thông thoáng và bình đẳng. Nghị quyết 68-NQ/TW, với tầm nhìn đột phá và mục tiêu tham vọng, hứa hẹn sẽ giải phóng tối đa tiềm năng, hướng kinh tế tư nhân tới giai đoạn phát triển mạnh mẽ, bền vững hơn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số thách thức vẫn trong việc triển khai Nghị quyết 68, đòi hỏi quyết tâm chính trị cao, sự vào

cuộc đồng bộ của cả hệ thống và nỗ lực không ngừng từ chính cộng đồng doanh nghiệp. Tương lai của kinh tế tư nhân phụ thuộc vào khả năng vượt qua những thách thức này, đồng thời nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp với kỳ vọng đóng góp vào các chính sách phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam, góp phần xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, nâng cao vị thế trên trường quốc tế. ■

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2002). *Nghị quyết số 12-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, ban hành ngày 02 tháng 3 năm 2002.*
- Ban Chấp hành Trung ương (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2017.*
- Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, ban hành ngày 04 tháng 5 năm 2025.*
- Hà Thị Yến (2024). Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam hiện nay. Truy cập từ: <https://vnua.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tin-hoat-dong-khac/thuc-trang-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-tai-viet-nam-hien-nay-56634>.
- Học viện Ngân hàng (2025). *Báo cáo chuyên đề: Kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên mới.*
- Nguyễn Hồng Sơn và Phạm Thị Hồng Điệp (2017). *Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Quan điểm của Đảng và một số vấn đề đặt ra.* Truy cập từ: <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/45322/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam--quan-diem-cua-dang-va-mot-so-van-de-dat-ra.aspx>.
- Nguyễn Trường An (2024). *Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam.* Truy cập từ: <https://kinhtevadubao.vn/thuc-trang-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam-29803.html>.
- OECD (2008). *Glossary of Statistical Terms.* Retrieved from: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2008/09/oecd-glossary-of-statistical-terms_g1gh9ad7/9789264055087-en.pdf.
- Phạm Thị Thanh Bình (2018). *Kinh tế tư nhân: Động lực quan trọng trong phát triển kinh tế Việt Nam.* Truy cập từ: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM119493.
- Quốc hội (1990). *Luật Doanh nghiệp tư nhân số 48-LCT/HĐNN8, ban hành ngày 21 tháng 12 năm 1990.*
- Quốc hội (1999). *Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10, ban hành ngày 12 tháng 6 năm 1999.*
- Quốc hội (2005). *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005.*
- Quốc hội (2014). *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014.*
- World Bank (2003). *World Bank Group private sector development strategy: Implementation progress report.* Retrieved from <https://documents1.worldbank.org/curated/en/322041468164040279/pdf/25879-REPLACEMENT-PUBLIC.pdf>.